**BÀI 39. VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ**

**1. Khái quát chung**

- Gồm 6 tỉnh, thành (......)

- Diện tích vào loại nhỏ so với các vùng khác (23,6 nghìn km2).

- Dân số vào loại TB (12 triệu người, năm 2006).

- Dẫn đầu cả nước về GDP, giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị hàng xuất khẩu.

- Đông Nam Bộ có nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển. Cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn các vùng khác.

- Có ưu thế về vị trí địa lí, về nguồn lao động lành nghề, cơ sở vật chất kĩ thuật, có chính sách phát triển phù hợp, thu hút được nguồn đầu tư trong và ngoài nước, Đông Nam Bộ đang sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao.

- Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là vấn đề tiêu biểu trong sự phát triển của vùng.

**2. Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu**

***Khái niệm:*** *Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu được hiểu là việc nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ, nhằm khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế - xã hội, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.*

***a. Trong công nghiệp***

- Đông Nam Bộ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu công nghiệp cả nước.

- Phát triển mạnh các ngành công nghệ cao như: luyện kim, điện tử, chế tạo máy, tin học, hóa chất, hóa dược, thực phẩm…

- Vùng có nhu cầu rất lớn về năng lượng. Cơ sở năng lượng của vùng được giải quyết nhờ phát triển nguồn điện và mạng lưới điện:

+ Xây dựng các nhà máy *thủy điện*: Trị An trên sông Đồng Nai, Thác Mơ và Cần Đơn trên sông Bé…

+ Các nhà máy *điện tuốc bin khí* được xây dựng và mở rộng, lớn nhất là Trung tâm điện tuốc bin khí Phú Mỹ (Phú Mỹ 1 , 2 , 3 , 4), nhà máy điện Bà Rịa.

+ Một số nhà máy *nhiệt điện chạy bằng dầu* phục vụ cho các khu chế xuất cũng được đầu tư xây dựng.

+ Đường dây siêu cao áp 500 KV Hòa Bình – Phú Lâm (Tp Hồ Chí Minh) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu năng lượng cho vùng.

+ Các trạm biến áp 500 kV và một số mạch 500 kV tiếp tục được xây dựng: tuyến Phú Mỹ - Nhà Bè, Nhà Bè – Phú Lâm.

+ Các công trình 220 kV, công trình trung thế và hạ thế được xây dựng theo quy hoạch.

- Phát triển CN của vùng không tách dời xu thế mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài.

- Vấn đề về môi trường phải luôn được quan tâm.

- Sự phát triển của công nghiệp cần tránh làm tổn hại đến ngành du lịch.

***b.Trong khu vực dịch vụ***

- Dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng.

- Đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển đa dạng các hoạt động dịch vụ: thương mại, ngân hàng, tín dụng, thông tin, hàng hải, du lịch…

- Dẫn đầu cả nước về sự tăng trưởng nhanh và phát triển có hiệu quả các ngành dịch vụ.

***c. Trong nông, lâm nghiệp***

- Vấn đề thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu.

+ Nhiều công trình thủy lợi đã được xây dựng: Dầu Tiếng (Tây Ninh), Phước Hòa (Bình Dương, Bình Phước)

+ Nhờ giải quyết nước tưới về mùa khô và tiêu nước cho vùng thấp, diện tích và hệ số sử dụng đất tăng, khả năng bảo đảm lương thực, thực phẩm của vùng khá hơn.

- Việc thay đổi cơ cấu cây trồng nâng cao vị trí của vùng: vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước.

+ Những vườn cây cao su già cỗi, năng suất mủ thấp, thay thế bằng các giống cao su năng suất cao và ứng dụng công nghệ trồng mới, nên sản lượng cao su của vùng không ngừng tăng.

+ Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất chủ yếu cà phê, hồ tiêu, điều.

+ Cây mía và đậu tương vẫn chiếm vị trí hàng đầu trong các cây công nghiệp ngắn ngày.

- Cần bảo vệ vốn rừng trên vùng thượng lưu của các sông, phục hồi và phát triển các vùng rừng ngập mặn, bảo vệ nghiêm ngặt các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.

***d. Trong phát triển tổng hợp kinh tế biển***

- Vùng biển và bờ biển ĐNB thuận lợi để phát triển tổng hợp KT biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, khai thác khoáng sản vùng thềm lục địa, du lịch biển, giao thông vận tải biển.

- Khai thác dầu khí với quy mô lớn, có sự hợp tác và đầu tư nước ngoài đã tác động mạnh đến sự phát triển của vùng, nhất là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vũng Tàu là nơi nghỉ mát lí tưởng của vùng và là cơ sở dịch vụ lớn về khai thác dầu khí.

- Việc phát triển công nghiệp lọc, hóa dầu và các ngành dịch vụ khai thác dầu khí thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ.

- Cần đặc biệt chú ý giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu mỏ.

**Bài 41. ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

**1. Khái quát**

- Gồm 13 tỉnh, thánh phố (atlat).

- Diện tích: hơn 40 nghìn km2 (12% cả nước).

- Dân số: 17,4 triệu người (20,7% cả nước).

- Tiếp giáp: Đông Nam Bộ, Campuchia, Vịnh Thái Lan, biển Đông.

**2. Những thế mạnh và hạn chế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

***a. Thế mạnh***

- Đất: có ba nhóm đất chính:

+ Đất phù sa ngọt (1,2 tr ha – 30% S): ven sông Tiền, Sông Hậu.

+ Đất phèn (1,6 tr ha – 41% S): Đồng Tháp Mười, Cà Mau…

+ Đất mặn (75 vạn ha – 19% S): ven Biển Đông và Vịnh Thái Lan.

+ Đất khác ( 40 vạn ha – 10%): phân bố rải rác.

- Khí hậu: thể hiện rõ tính chất cận xích đạo.

+ Tổng số giờ nắng TB cao: 2200 – 2700 giờ.

+ Chế độ nhiệt cao, ổn định: 25 – 27oC.

+ Lượng mưa lớn: 1800 – 2000mm.

- Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

- Sinh vật:

+ Thực vật: rừng ngập măn, rừng tràm.

+ Động vật có giá trị hơn cả là cá, chim.

- Tài nguyên biển: nhiều bãi cá, tôm.

- Khoáng sản: đá vôi, than bùn, dầu khí…

***b. Hạn chế***

- Mùa khô kéo dài -> nước mặn xâm nhập vào đất liền -> tăng độ phèn, mặn trong đất.

- Thiếu nước mùa khô.

- Đất phèn, đất mặn chiếm diện tích lớn.

- Vài loại đất thiếu dinh dưỡng, đất quá chặt, khó thoát nước.

- Thiên tai.

- Tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**3. Sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long**

- Nước ngọt là vấn đề quan trọng và hàng đầu vào mùa khô ở ĐBSCL.

+ Vùng Tứ giác Long Xuyên dùng nước ngọt từ sông Hậu để rửa phèn thông qua kênh Vĩnh Tế

+ Dùng nước ngọt để rửa phèn, rửa mặn vào mùa khô kết hợp tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

+ Cần duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng. 🡪 đảm bảo cân bằng sinh thái.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị, kết hợp nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp chế biến.

- Kết hợp biển – đảo – quần đảo – đất liền tạo 1 thể kinh tế liên hoàn.

- Nhân dân chủ động sống chung với lũ, khai thác nguồn lợi từ kinh tế biển, đồng thời khai thác nguồn lợi kinh tế do lũ hàng năm mang lại.

**BÀI 42. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, AN NINH QUỐC PHÒNG**

**Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**

**1. Vùng biển và thềm lục địa của nước ta giàu tài nguyên**.

***a. Nước ta có vùng biển rộng lớn***

- Diện tích khoảng 1 triệu km2.

- Gồm: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

***b. Nước ta có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển***

**- Nguồn lợi sinh vật:** giàu thành phần loài, nhiều loài có giá trị kinh tế cao, một số loài quý hiếm, cần bảo vệ đặc biệt.

- **Tài nguyên khoáng, dầu mỏ và khí tự nhiên:**

+ Nguồn muối vô tận. Dọc bờ biển nhiều vùng thuận lợi sx muối.

+ Nhiều sa khoáng: ôxit titan để xuất khẩu, cát trắng để làm thủy tinh, pha lê.

+ Dầu mỏ và khí tự nhiên: nhiều mỏ tiếp tục được phát hiện, thăm dò và khai thác.

**- Điều kiện phát triển giao thông vận tải biển:**

+ Nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế.

- Nhiều vụng biển kín th/lợi cho xd cảng nước sâu, nhiều cửa sông cũng th/lợi cho xd cảng.

**- Điều kiện phát triển du lịch biển – đảo:** nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt, thuận lợi cho phát triển du lịch và an dưỡng. Nhiều hoạt động du lịch thể thao dưới nước có thể phát triển. Du lịch biển – đảo đang là loại hình du lịch thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế.

**2. Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển**.

***a.Thuộc vùng biển nước ta có hơn 4 000 hòn đảo lớn nhỏ***

- Có những đảo đông dân như Cái Bầu, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quý, Phú Quốc.

Các quần đảo như Vân Đồn, Cô Tô, Cát Bà, Hoàng Sa, Trường Sa, …

- Các đảo và quần đảo tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới, khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

- Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

***b. Các huyện đảo ở nước ta***

Đến năm 2006, nước ta có các huyện đảo sau :

- Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh)

- Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ (thành phố Hải Phòng)

- Huyện đảo Cồn Cỏ (tỉnh Quảng Trị)

- Huyện đảo Hoàng Sa (thành phố Đà Nẵng)

- Huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)

- Huyện đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)

- Huyện đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận)

- Huyện đảo Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

- Huyện đảo Kiên Hải và huyện đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)

**3. Khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo**

***a.Tại sao phải khai thác tổng hợp***

- Hoạt động kinh tế biển rất đa dạng: đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác khoáng sản, du lịch biển và giao thông vận tải biển. Khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

- Môi trường biển là không chia cắt được. Bởi vậy một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, các vùng nước và đảo xung quanh.

- Môi trường đảo biệt lập, không giống như trên đất liền, lại có diện tích nhỏ, nên rất nhạy cảm trước tác động của con người.

***b. Khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo***

- Cần tránh khai thác quá mức, cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt.

- Phát triển đánh bắt xa bờ giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, bảo vệ vùng trời, vùng biển và vùng thềm lục địa của nước ta.

***c. Khai thác tài nguyên khoáng sản***

- Làm muối: phát triển mạnh ở nhiều địa phương, nhất là Duyên hải Nam Trung Bộ.

- CN dầu khí: đẩy mạnh thăm dò và khai thác, mở rộng liên doanh với nước ngoài, khai thác khí thiên nhiên và thu hồi khí đồng hành=> phát triển công nghiệp làm khí hóa lỏng, làm phân bón, sản xuất điện, phát triển lọc - hóa dầu, tránh để xảy ra các sự cố môi trường trong thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

***d. Phát triển du lịch biển***

Các trung tâm du lịch biển được nâng cấp, nhiều bãi biển mới được đưa vào khai thác. Đáng chú ý là các khu du lịch Hạ Long – Cát Bà – Đồ Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu…

***e. Giao thông vận tải biển***

- Các cảng lớn được nâng cấp như cụm cảng Sài Gòn, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng…

- Các cảng nước sâu đã được xây dựng: Cái Lân, Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, …

- Các cảng nhỏ hơn đã được xây dựng. Hầu hết các tỉnh ven biển đều có cảng.

**4. Tăng cường hợp tác với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa**

- Biển Đông là biển chung của Việt Nam và nhiều nước láng giềng. Vì vậy, việc tăng cường đối thoại, hợp tác giữa Việt Nam và các nước có liên quan sẽ là nhân tố tạo ra sự phát triển ổn định trong khu vực, bảo vệ được lợi ích chính đáng của Nhà nước và nhân dân ta, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

- Việt Nam là nước Đông Nam Á lục địa có nhiều lợi ích ở Biển Đông. Vì vậy, mỗi công dân Việt Nam đều có bổn phận bảo vệ vùng biển và hải đảo của đất nước, cho hôm nay và cho các thế hệ mai sau.

**-- Hết ---**